

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÀO TẠO SU TỬ**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÀO TẠO SU TỬ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SU TU TRAINING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109477087

**3. Ngày thành lập:** 29/12/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

C01-42 KĐT Dương Nội, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Đào tạo sơ cấp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 8531        |
| 2.  | Đào tạo trung cấp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 8532        |
| 3.  | Đào tạo cao đẳng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 8533        |
| 4.  | Giáo dục thể thao và giải trí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 8551        |
| 5.  | Giáo dục văn hoá nghệ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 8552        |
| 6.  | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết- Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng;- Các dịch vụ dạy kèm (gia sư);- Giáo dục dự bị;- Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém;- Các khoá dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn;- Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại;- Dạy đọc nhanh;- Đào tạo về sự sống;- Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính                                                                                                                   | 8559(Chính) |
| 7.  | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 8560        |
| 8.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>Bán buôn dụng cụ y tế<br>Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm<br>Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao. Bán buôn đồng hồ đeo tay, đồng hồ treo tường và đồ trang sức; Bán buôn nhạc cụ, sản phẩm đồ chơi, sản phẩm trò chơi | 4649        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 9.  | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                       | 4759 |
| 10. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                         | 4772 |
| 11. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4761 |
| 12. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4763 |
| 13. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4652 |
| 14. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4659 |
| 15. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4641 |
| 16. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4753 |
| 17. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4771 |
| 18. | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: Kinh doanh thực phẩm chức năng<br>Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4632 |
| 19. | Bán buôn đồ uống<br>(Không bao gồm kinh doanh quán bar)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4633 |
| 20. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>Bán lẻ vàng trang sức mỹ nghệ, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh | 4773 |
| 21. | Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)<br>Chi tiết: Dịch vụ tắm hơi, massage, tắm nắng, thẩm mỹ không dùng phẫu thuật (đánh mỡ bụng, làm thon thả thân hình...)                                                                                                                                                        | 9610 |
| 22. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa (không bao gồm đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4610 |
| 23. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh./                                                                                                                                                                                                                                         | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.686.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

## 7. Số cổ phần được quyền chào bán:

## 8. Cổ đông sáng lập:

| STT | Tên cổ đông                    | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức             | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|--------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | CÔNG TY CỔ PHẦN ONION HOLDINGS | B18-15 Vinhomes Gardenia Hàm Nghi, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 147.730    | 1.477.300.000         | 55,000    | 0109244420                                                                                  |         |
|     |                                |                                                                                                  | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                                |                                                                                                  | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                                |                                                                                                  | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                                |                                                                                                  | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                                |                                                                                                  | Tổng số                   | 147.730    | 1.477.300.000         | 55,000    |                                                                                             |         |
|     |                                |                                                                                                  |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN THỊ TỔ HẬU              | Thôn Đình Trung, Xã Xuân Nộn, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                         | Cổ phần phổ thông         | 94.010     | 940.100.000           | 35,000    | 022184001336                                                                                |         |
|     |                                |                                                                                                  | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                                |                                                                                                  | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                                |                                                                                                  | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                                |                                                                                                  | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                                |                                                                                                  | Tổng số                   | 94.010     | 940.100.000           | 35,000    |                                                                                             |         |
|     |                                |                                                                                                  |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                       |                                                                                |                           |        |             |       |              |
|---|-----------------------|--------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|-------|--------------|
| 3 | TRƯƠNG THỊ KHÁNH LINH | Số 8A Ngô Quyền, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 13.430 | 134.300.000 | 5,000 | 022183005252 |
|   |                       |                                                                                | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000 |              |
|   |                       |                                                                                | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000 |              |
|   |                       |                                                                                | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000 |              |
|   |                       |                                                                                | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000 |              |
|   |                       |                                                                                | Tổng số                   | 13.430 | 134.300.000 | 5,000 |              |
| 4 | KIỀU CHÍ THÀNH        | Số 25 Tổ 27, Phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam   | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000 | 012319349    |
|   |                       |                                                                                | Cổ phần phổ thông         | 13.430 | 134.300.000 | 5,000 |              |
|   |                       |                                                                                | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000 |              |
|   |                       |                                                                                | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000 |              |
|   |                       |                                                                                | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000 |              |
|   |                       |                                                                                | Tổng số                   | 13.430 | 134.300.000 | 5,000 |              |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: KIỀU CHÍ THÀNH

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 23/02/1982

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 012319349

Ngày cấp: 11/09/2010

Nơi cấp: *Công an TP Hà Nội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 25 Tổ 27, Phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 25 Tổ 27, Phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội